

TỪ THỰC PHẨM ĐẾN THƯƠNG PHẨM TRONG ĐỜI SỐNG CƯ DÂN CỔ NAM BỘ QUA NGHIÊN CỨU KHẢO CỔ HỌC THỰC VẬT - ĐỘNG VẬT

NGUYỄN KHÁNH TRUNG KIÊN*

Các nghiên cứu liên ngành gần đây cho thấy rằng khoảng 4.000 đến 3.000 năm trước, các cộng đồng cổ đại ở Nam Việt Nam đã thuần dưỡng lúa, kê và các loài động vật như lợn và chó. Vào những thế kỷ đầu của Công nguyên, bằng chứng khảo cổ học cho thấy gia vị đã trở thành một phần của cuộc sống hàng ngày. Rất có thể một số loại gia vị nhập khẩu này cũng đóng vai trò là hàng hóa thương mại có giá trị trong mạng lưới thương mại hàng hải kết nối văn minh Đông - Tây. Những phát hiện này cho thấy rằng nông nghiệp đã hình thành nền tảng cho sự phát triển kinh tế xã hội của các cộng đồng tiền sử ở Nam Bộ Việt Nam. Theo thời gian, nền tảng nông nghiệp này đã tạo điều kiện cho giao lưu văn hóa, tiếp nhận các nguyên liệu, kỹ thuật và ý tưởng mới trước và sau Công nguyên. Trên nền tảng đó, hậu duệ của họ đã thành lập nên vương quốc Phù Nam hùng mạnh, phát triển thịnh vượng như một trung tâm thương mại hàng hải quan trọng ở Đông Nam Á.

Từ khóa: lúa thuần dưỡng, gia vị, tiền sử, sơ sử, nông nghiệp cổ, thương mại hàng hải
Nhận bài ngày: 10/10/2024; đưa vào biên tập: 11/10/2024; phản biện: 21/10/2024; duyệt đăng: 05/11/2024

1. DẪN NHẬP

Các nghiên cứu khảo cổ học trước đây ở Việt Nam chủ yếu tập trung vào việc xác định tính chất, niên đại của các di tích và nghiên cứu các tổ hợp di vật tìm thấy trong quá trình khai quật. Các phương pháp nghiên cứu liên ngành bổ trợ tư liệu cho khảo cổ học như: cổ động vật học (zoo-archaeology), cổ thực vật học (archaeo-botanical) chưa được tiến hành, đặc biệt là sự thiếu vắng các phương pháp thu thập mẫu phân tích

để nghiên cứu cổ môi trường như: bào tử phấn hoa, floatation, phytolith hay nghiên cứu thành phần tinh bột (starch study). Chính vì thế, việc phục dựng lại bối cảnh, đời sống xã hội của các cộng đồng cư dân tiền sử trong các công trình khảo cổ học Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế, thiếu tính sinh động và tài liệu thực chứng trong suốt một chặng đường nghiên cứu dài.

Từ năm 2009 đến nay, một số chương trình hợp tác quốc tế nghiên cứu khảo cổ học được triển khai ở một số di tích quan trọng ở Nam Bộ với sự áp dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành. Trong đó nổi trội với các nghiên cứu

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

về cổ động vật và cổ thực vật để góp phần nhận diện môi trường cũng như các loại thực phẩm được người cổ sử dụng, qua đó góp phần đem lại những nhận thức ngày càng rõ nét hơn về sinh kế của các cộng đồng cư dân thời bấy giờ.

Bài viết giới thiệu các kết quả nghiên cứu mới, được thu thập từ phương pháp nghiên cứu liên ngành, liên quan đến hoạt động nông nghiệp trồng trọt thời tiền sử trong giai đoạn khoảng 4.000 - 3.000 năm cách ngày nay đến những thế kỷ đầu Công nguyên do Trung tâm Khảo cổ học phối hợp với Đại học Quốc gia Úc (ANU) và Đại học Bắc Kinh (PKU) thực hiện tại một số di tích tiêu biểu như An Sơn, Lộc Giang, Rạch Núi, Lò Gạch (Long An) và các di tích đất đắp dạng tròn ở Bình Phước (Bù Nho, Long Hưng 1, Thuận Phú 2), Cù Lao Rùa (Bình Dương) và Lung Lớn (An Giang).

2. CÁC PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LIÊN NGÀNH ĐƯỢC SỬ DỤNG

Bên cạnh việc áp dụng phương pháp chuyên ngành khảo cổ học trong quá trình khai quật tại các di tích, các cuộc khai quật còn áp dụng các phương pháp nghiên cứu liên ngành khác: phân tích niên đại bằng phương pháp carbon phóng xạ (^{14}C) hay phân tích niên đại trực tiếp bằng phương pháp AMS, phương pháp nghiên cứu cổ thực vật học (floatation và phytolith), phương pháp nghiên cứu tinh bột (starch study).

- *Phương pháp phân tích niên đại (^{14}C /AMS):* được sử dụng với các loại

mẫu than, gỗ, hạt thực vật đã hóa than để phân tích đồng vị carbon và định tuổi của chúng dựa theo chu kỳ bán rã. Việc định tuổi các lớp đất, các tầng văn hóa hay hiện vật khảo cổ nguồn gốc hữu cơ giúp nhận diện niên đại tuyệt đối của các di tích, các hiện vật và hiện tượng liên quan được chính xác hơn. Các di tích như Rạch Núi, Lộc Giang, Lò Gạch (Long An), Bù Nho, Long Hưng 1, Thuận Phú 2 (Bình Phước), Cù Lao Rùa (Bình Dương), Lung Lớn (An Giang) được phân tích niên đại bằng phương pháp ^{14}C và AMS cho các mẫu than hay mẫu gỗ thu được trong tầng văn hóa. Riêng các di tích Bù Nho, Thuận Phú 2 và di tích Lung Lớn có một số mẫu cổ thực vật đã than hóa được phân tích bằng phương pháp niên đại AMS trực tiếp (AMS direct dating).

- *Phương pháp nghiên cứu cổ thực vật (bao gồm floatation và phytolith):* được áp dụng tại các di tích như Rạch Núi, Lộc Giang, Lò Gạch, Bù Nho, Long Hưng 1, Thuận Phú 2, Cù Lao Rùa và Lung Lớn để thu thập mẫu phân tích cổ thực vật học còn được bảo tồn trong tầng văn hóa. Phương pháp floatation lọc các thành phần hữu cơ nhẹ, có thể nổi trong nước, để nhận diện giống loài thực vật. Phương pháp này áp dụng với mẫu đất có thể tích 20 litre thu thập tại mỗi ô lưới được lựa chọn. Sau bước ngâm nước, các thành phần hữu cơ nhẹ được lọc bởi túi lưới chuyên dụng (lưới 3 micromet) để thu thập các phần tử nhỏ (micro botanical), phục vụ nghiên cứu nhận

diện giống loài qua quan sát dưới kính hiển vi. Các thành phần hữu cơ kích thước lớn hơn (macro-botanical) không thể nổi trên mặt nước khi lọc mẫu sẽ được thu thập qua phương pháp sàng nước (wet sieving) với lưới sàng kích cỡ 5mm và 1mm. Phương pháp phytolith trích xuất từ mẫu đất trong tầng văn hóa nơi lấy mẫu floatation để thu thập các thành phần tế bào thực vật đã “hóa thạch” do thẩm thấu và tích tụ các khoáng chất từ môi trường tự nhiên trong quá trình tồn tại. Các tàn tích thực vật được nghiên cứu so sánh để nhận diện các giống loài thực vật cổ, giúp tìm hiểu về sinh kế của các cộng đồng đương thời.

- *Phương pháp nghiên cứu tinh bột (starch study)*: được sử dụng bằng cách trích xuất các hạt tinh bột của các loài thực vật cổ đã từng được nghiền, giã còn bám lại trên bề mặt các dụng cụ trong các bể rung siêu âm, sau đó được trích xuất trong máy ly tâm và quan sát dưới kính hiển vi để nhận diện giống loài từ so sánh các cấu trúc vi mô còn bảo tồn. Phương pháp này được áp dụng cho các hiện vật thuộc loại hình bàn nghiền (pesani), chày và cối phát hiện tại di tích kênh cổ Lung Lớn và một số di tích khác ở khu vực Óc Eo - Ba Thê (An Giang) để nghiên cứu các loại thực vật dùng làm thực phẩm hay gia vị thời cổ đại.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Sự xác nhận những thực phẩm có nguồn gốc nông nghiệp ở Nam Bộ thời tiền sử

Trong suốt vài thập niên qua, hàng trăm di tích khảo cổ học phân bố ven hệ thống sông Đồng Nai, sông Bé và sông Vàm Cỏ Đông - Vàm Cỏ Tây được phát hiện và nghiên cứu cho thấy quá trình khai phá các vùng đất mới và địa bàn cư trú của cư dân tiền sử ở Đông Nam Bộ khá rộng lớn. Họ lựa chọn sinh sống trên các vùng đất chủ yếu phân bố ven các nhánh sông suối, trên nhiều dạng địa hình, thổ nhưỡng và sinh cảnh khác nhau (Bùi Chí Hoàng, 2017).

Các nghiên cứu trước đây tuy chưa đưa ra bằng chứng trực tiếp liên quan đến nông nghiệp trồng trọt nhưng các dụng cụ tìm thấy trong các di tích là các bằng chứng gián tiếp liên quan đến hoạt động và quy mô sản xuất, cho thấy nông nghiệp vùng này đã phát triển, có sự phân công lao động xã hội và sự phát triển trong đời sống vật chất và tinh thần. Di tích và di vật trong các chương trình nghiên cứu này cho thấy, từ khoảng 4.000 năm trước trong các cộng đồng cư dân tiền sử ở vùng Nam Bộ đã có những nghề thủ công xuất hiện với các bằng chứng xác thực từ những dụng cụ chế tác gia công, dấu vết kỹ thuật hay các phế phẩm của quá trình chế tác. Vùng đất Đông Nam Bộ tiền sử thời bấy giờ được hình dung qua các phát hiện khảo cổ học với hàng loạt “làng” cổ phân bố ven dòng chảy sông Bé, sông Đồng Nai, sông Vàm Cỏ và các chi lưu; các công trình cư trú có phòng ngự bằng hệ thống hào và tường đất đắp dạng “làng tròn” trên các vùng đồi

đất đỏ ở Bình Phước và các khu cư trú trên nhà sàn ở vùng ngập mặn ven biển. Hiện vật thu được tại các di tích đã phản ánh sự tồn tại của nghề thủ công như nghề làm gốm, chế tác đồ trang sức, se sợi dệt vải hay đan lát. Bên cạnh đó, các cư dân này cũng đã có những xưởng chế tác mang tính chuyên hóa cao như di tích Hàng Ông Đại, Hàng Ông Đụng (Bình Dương) là nơi sản xuất quy mô lớn các loại công cụ lao động với các loại hình rìu, cuốc, đục và dao hái để cung ứng cho nhiều cộng đồng đương thời ở Đông Nam Bộ (Nguyễn Khánh Trung Kiên, 2017a). Nhu cầu thẩm mỹ của họ cũng phát triển với đồ trang sức chủ yếu là vòng đeo tay bằng đá được làm ra bởi những thợ thủ công trong mỗi “làng” hoặc được sản xuất với quy mô lớn ở các xưởng chế tác với kỹ thuật khoan tách lõi tiên tiến thời bấy giờ như tại di tích Đồi Phòng Không (Đồng Nai) hay Thọ Sơn (Bình Phước) (Nguyễn Khánh Trung Kiên, 2017b; Đặng Ngọc Kính, 2019, 2023).

Các tư liệu khảo cổ trên cho phép hình dung một xã hội cổ đại có đời sống vật chất, tinh thần tương đối phong phú của người cổ Nam Bộ. Để đạt đến trình độ phát triển này, chắc chắn sinh kế của họ đã mang tính ổn định, bền vững và không thể thiếu vắng sự tồn tại của nông nghiệp trồng trọt (và có thể cả chăn nuôi).

Về bằng chứng cho sự tồn tại của nông nghiệp ở Đông Nam Bộ, qua khảo sát tổ hợp di vật tìm thấy trong tầng văn hóa các di tích khảo cổ, các

nhà nghiên cứu cho rằng phần lớn các cộng đồng cư dân tiền sử vùng này chủ yếu khai thác sản vật từ thiên nhiên để phục vụ nhu cầu lương thực bên cạnh nền nông nghiệp còn sơ khai, một trong số đó là loại hình dao gặt hình bán nguyệt bằng đá hay đồng, được tìm thấy ở nhiều nơi trong vùng. Có nhà nghiên cứu “giả định rằng những hình thức quan trọng và phổ biến nhất trong đời sống kinh tế truyền thống Đông Nam Bộ là gieo trồng các loại lúa cạn và rau đậu, cây có quả - củ cho bột bằng phương pháp phát - đốt đặc thù của nông nghiệp nương rẫy” trong bối cảnh chưa tìm thấy bằng chứng trực tiếp về sự thuần dưỡng lúa của con người sớm hơn trong các di tích khảo cổ thời kim khí (Phạm Đức Mạnh, 1995).

Để giải đáp câu hỏi về việc cư dân cổ Nam Bộ đã biết canh tác lúa thuần dưỡng hay chưa, trong các cuộc khai quật gần đây tại di tích Bù Nho, Long Hưng 1 và Thuận Phú 2, nhóm nghiên cứu đã áp dụng phương pháp floatation để lấy mẫu nghiên cứu thực vật bên cạnh các phương pháp truyền thống của khảo cổ học. Kết quả phân tích mẫu đất được Đại học Bắc Kinh thực hiện cho thấy ở cả ba địa điểm nói trên đều tìm thấy lúa thuần dưỡng (*Oryza Sativa Japonica*). Mẫu phân tích niên đại trực tiếp (direct dating) của các hạt lúa này được gửi đến phòng phân tích niên đại Beta (Hoa Kỳ) cho kết quả tương thích với kết quả niên đại mẫu than trong tầng văn hóa đã được Đại học Quốc gia Úc và

Đại học Bắc Kinh phân tích bằng phương pháp AMS trước đây, cụ thể như sau: Bù Nho khoảng 3.900 - 3.700 năm cách ngày nay, Long Hưng 1 khoảng 3.500 - 3.300 năm cách ngày nay và Thuận Phú 2 khoảng 3.600 - 3.400 năm cách ngày nay (Nguyễn Khánh Trung Kiên, 2021). Như vậy, trong tầng văn hóa ở cả ba di tích “làng tròn” được lấy mẫu để nghiên cứu cổ thực vật đều đã tìm thấy sự xuất hiện của lúa thuần dưỡng, điều này cho thấy nhiều khả năng tất cả các di tích đất đắp dạng tròn ở Bình Phước thời bấy giờ đã từng diễn ra hoạt động canh tác nông nghiệp trồng lúa để cung cấp thực phẩm nuôi sống cộng đồng.

Năm 2009, trong chương trình hợp tác giữa Trung tâm Khảo cổ học và Đại học Quốc gia Úc khai quật tại di tích An Sơn (huyện Đức Hòa, Long An), những bằng chứng về sự tồn tại của lúa gạo ở Đông Nam Bộ được ghi nhận qua hai mẫu vỏ trấu lẫn trong xương đồ gốm (các vỏ trấu này được sử dụng như một loại phụ gia trong kỹ thuật làm gốm để giúp thành phần nguyên liệu ít biến dạng). Kết quả phân tích cho thấy hai hạt lúa này thuộc loài *Oryza sativa japonica* với niên đại lớp đất phát hiện ra chúng vào khoảng 3.500 năm cách ngày nay, các kết quả phân tích bằng phương pháp phytolith cũng cho thấy những bằng chứng về sự xuất hiện của lúa gạo ở tầng đất sát sinh thổ của di tích này (tức có tuổi sớm nhất). Tuy nhiên, vẫn chưa rõ ở An Sơn niên đại của sự

xuất hiện lúa gạo có sớm hơn thời điểm này hay không (Bellwood *et al.*, 2011). Các vết tích hạt lúa được tìm thấy trong tầng đất có niên đại khoảng 3.500 năm ở An Sơn đã gợi ra khả năng cư dân cổ nơi đây đã biết sử dụng lúa gạo như một loại thực phẩm. Kết quả phân tích di truyền học chỉ ra rằng đây là loài lúa thuần dưỡng (*Oryza Sativa*) thuộc giống *Japonica* (Bellwood *et al.*, 2011). Không chỉ được tìm thấy trong tầng văn hóa mà vỏ trấu còn được sử dụng như một thành phần phụ gia trong kỹ thuật chế tạo đồ gốm. Trong nghiên cứu vi tư liệu bằng phương pháp microCT của Aleese Barron và cộng sự (2017) áp dụng trên các mảnh gốm cổ tại An Sơn và Lộc Giang một lần nữa tiếp tục chứng minh trong các di tích này đã có lúa thuần dưỡng, thể hiện qua các thành phần vỏ trấu, cuống hạt lúa được sử dụng như vật liệu phụ gia khi làm gốm và được bào tòn nguyên vẹn cấu trúc hạt trong xương gốm.

Tại di tích Rạch Núi (huyện Cần Giuộc, Long An) nằm gần khu vực tiếp xúc với vùng ngập mặn, trong cuộc khai quật năm 2012 do Trung tâm Khảo cổ học và Đại học Quốc gia Úc phối hợp, áp dụng phương pháp nghiên cứu cổ thực vật học lần đầu tiên ở Nam Bộ và đã phát hiện lúa thuần dưỡng và hạt kê qua kết quả phân tích các mẫu thực vật tìm thấy trong tầng văn hóa (Castillo *et al.*, 2017). Di tích Rạch Núi được phân tích niên đại bằng phương pháp AMS với 17 mẫu, lấy tại nhiều tầng đất khác nhau trong tầng văn hóa

dày khoảng 5m, cho kết quả niên đại trong khoảng 3555 - 3405 đến 3380 - 3265 năm cách ngày nay. Điều này cho thấy toàn bộ quá trình tạo dựng các nền đất đắp để làm nơi cư trú chỉ diễn ra trong thời gian rất ngắn, khoảng 120 - 210 năm (Oxenham *et al.*, 2015). Kết quả phân tích cổ thực vật học tại Rạch Núi cho thấy có 30 mẫu thực vật được thu thập bằng phương pháp floatation, qua phân tích của Cristina Castillo, hầu hết chúng là mảnh vỡ của các hạt thực vật đã bị than hóa và có hai loài được nhận diện thuộc nhóm cây lương thực là lúa (*Oryza sativa*) và hạt kê (*Setaria italica*) cùng với các loại hạt thực vật khác. Điều này cho thấy khu vực di tích này thời bấy giờ mang đặc điểm của dạng môi trường khô, ít đa dạng về các giống loài thực vật từng sinh trưởng.

Đây cũng là lần đầu tiên hạt kê được tìm thấy trong tầng văn hóa của một di tích khảo cổ ở Nam Bộ, do trước đây chưa tiến hành phân tích ở các di tích khác. Loại hạt lương thực này cũng không tìm thấy phổ biến trong các di tích ở Đông Nam Á lục địa, hầu hết chúng chỉ được tìm thấy trong các di tích khảo cổ ở Thái Lan (Castillo *et al.*, 2017). Riêng tại Rạch Núi, nhiều khả năng bên cạnh nguồn lương thực từ lúa gạo và hạt kê còn có các loại cây cho củ hay các loại quả khác được người cổ sử dụng vì môi trường ngập mặn cận biển không phù hợp cho phát triển nông nghiệp trồng trọt nói chung và trồng lúa nói riêng. Qua phân tích

của Aleese Barron và cộng sự (2017) bằng phương pháp microCT, trong số các mẫu gốm của Rạch Núi lại không tìm thấy các vết tích của vỏ trấu. Điều này gợi lên khả năng ở vùng đất cận biển như tại Rạch Núi thời bấy giờ môi trường tự nhiên không thuận lợi cho việc trồng lúa và cư dân vùng này phải trao đổi lúa với những nhóm cư dân nơi khác ở xa hơn về phía thượng nguồn sông Đồng Nai hay Vàm Cỏ Đông. Bằng chứng của những mối quan hệ này được phản ánh qua tổ hợp công cụ bằng đá ở Rạch Núi rất giống về loại hình và chất liệu với các di tích đồng đại, ven sông Bé ở Bình Dương như Mỹ Lộc, Hàng Ông Đại và Hàng Ông Đụng.

Tại di tích Cù Lao Rùa (Bình Dương), là một di tích cư trú - mộ táng, trong cuộc khai quật gần đây vào năm 2021 đã tìm thấy lúa thuần dưỡng trong tầng văn hóa. Niên đại di tích Cù Lao Rùa khoảng gần 4.000 - 2.500 năm cách ngày nay (Nguyễn Khánh Trung Kiên và nnk, 2021). Các phát hiện này cho thấy khoảng 4.000 - 3.500 năm trước lúa thuần dưỡng đã được trồng trọt và sử dụng ở nhiều khu vực khác nhau của Đông Nam Bộ.

Không chỉ có nông nghiệp trồng trọt mà các tàn tích thực phẩm còn để lại trong tầng văn hóa còn chỉ ra những cư dân này bên cạnh săn bắt từ môi trường tự nhiên còn biết đến chăn nuôi với hai loài vật nuôi chủ yếu là lợn và chó. Dấu vết chặt để lại trên nhiều mảnh xương chó cho thấy khả năng loài chó cũng được nuôi cùng

với lợn để sử dụng làm thực phẩm trong các cộng đồng này từ khoảng 4.000 năm trước (Piper *et al.*, 2017). Ngoài ra, cư dân cổ ở An Sơn và Lộc Giang thời bấy giờ còn đánh bắt cá và các loài sò ốc từ dòng sông gần đó, bằng chứng để lại là những chiếc lưỡi câu và tàn tích thực phẩm được tìm thấy trong tầng văn hóa của di tích. Muộn hơn đôi chút, tại di tích Rạch Núi, các nghiên cứu cổ thực vật học và cổ động vật học cũng tìm thấy các loại xương cá, khỉ, lợn và chó trong các lớp đất của tầng văn hóa (Castillo *et al.*, 2017; Piper *et al.*, 2017).

Như vậy, các phân tích cho thấy từ khoảng 4.000 năm trước, nhiều cộng đồng cư trú ở Đông Nam Bộ đã biết đến nông nghiệp trồng lúa. Đó không phải là các loài lúa mọc hoang mà là loài lúa đã thuần dưỡng, bảo đảm nguồn cung ứng lương thực cho họ. Chăn nuôi cũng là một hoạt động kinh tế góp phần bổ sung nguồn thực phẩm thiết yếu. Chính sự phát triển về sinh kế này đã từng bước hình thành nên các “làng tròn” trù phú trên vùng đồi đất đỏ ở Bình Phước, những làng cổ ven sông Bé, sông Đồng Nai, sông Vàm Cỏ Đông khoảng 4.000 - 3.000 năm trước và các “làng nhà sàn” ở vùng ngập mặn cận biển vào khoảng 3.000 - 2.200 năm trước.

3.2. Gia vị xuất hiện ở Nam Bộ như một thương phẩm ở các thế kỷ đầu Công nguyên

Khoảng 500 năm trước Công nguyên, ở khu vực Đông Nam Á, mạng lưới thương mại hàng hải (*maritime trading*

network) đã được hình thành và phát triển một cách nhanh chóng, kết nối Đông Nam Á lục địa - hải đảo và vươn đến nhiều vùng đất xa hơn (Hung Hsiao-chun and Nguyen Khanh Trung Kien, 2023). Trong chuỗi kết nối “thương mại” cổ đại đó, các yếu tố văn hóa, văn minh Ấn Độ và Đông Nam Á hải đảo dần thâm nhập vào các cộng đồng bản địa ở Nam Bộ Việt Nam qua việc “nhập khẩu” các loại nguyên liệu chế tác đồ trang sức (đá ngọc nephrite, agate, carnelian) hay các kỹ thuật chế tác đồ trang sức tinh xảo. Tiếp sau đó, trong vài thế kỷ đầu Công nguyên, khi thương mại hàng hải đã phát triển mạnh mẽ và lan rộng hơn, kết nối một chuỗi các quốc gia thuộc khu vực Địa Trung Hải với Ấn Độ, Đông Nam Á và Trung Hoa cổ đại. Thời bấy giờ, phương Đông là nơi nền văn minh phương Tây hướng đến tìm kiếm những sản vật nhiệt đới phong phú, trong đó có giá trị nhất phải kể đến các loại gia vị.

Nghiên cứu của M. Żuchowska (2012) cho thấy, ngay từ thời La Mã cổ đại, nhu cầu về các loại gia vị rất lớn và nhu cầu này có xu hướng tăng liên tục. Tuy nhiên, rất ít bằng chứng khảo cổ về điều này được ghi nhận trong các cuộc khai quật, ngoại trừ các ghi chép trong các văn bản thời bấy giờ. Trong những năm gần đây, các tiến bộ trong kỹ thuật phân tích mẫu đã cho phép tìm thấy bằng chứng về những loại hàng hóa dễ phân hủy như gia vị tuy chưa nhiều. Theo nhận định chung của giới nghiên cứu, trong giai đoạn

này các tàu buôn từ phương Tây đi sang phương Đông để buôn bán, xa nhất chỉ tiếp cận khu vực Ấn Độ. Vùng giao thoa của thương mại hàng hải phương Tây và phương Đông thời đó khả năng là khu vực bờ biển Ấn Độ và Sri Lanka. Mặc dù có một số bằng chứng ít ỏi liên quan đến thế giới La Mã, phản ánh qua một số hiện vật khảo cổ xuất hiện ở khu di tích Óc Eo - Ba Thê như các đồng tiền vàng La Mã hay các mặt nhẫn bằng đá quý có các hình chạm khắc tinh xảo xuất hiện trong các di tích khảo cổ ở miền nam Thái Lan nhưng khả năng cao chúng chỉ là hiện vật phản ánh các mối quan hệ gián tiếp, buôn bán hay trao đổi qua các chặng đường khác nhau chứ chưa hẳn được mua bán trực tiếp giữa các thương nhân của hai khu vực.

Trong bài viết của Eleanor Kingwell-Banham và cộng sự (2018), hòn đảo Sri Lanka được nhận diện như là một mắt xích quan trọng trong hệ thống các tuyến thương mại hàng hải giữa khu vực Nam Á (đặc biệt là với Ấn Độ) và phần còn lại của Cựu Thế giới (phương Tây). Sự hình thành và phát triển của các cảng cổ ở Sri Lanka gắn liền với sự hình thành và phát triển của thương mại hàng hải đường dài trong từ khoảng năm 500 trước Công nguyên cho đến khoảng thế kỷ XIII. Tại bờ biển Ấn Độ và Sri Lanka diễn ra hoạt động mua bán, trao đổi các loại hàng hóa từ “phương Đông” (bao gồm Đông Nam Á lục địa - hải đảo và Trung Quốc) với hàng hóa từ “phương

Tây” (Châu Âu, Châu Phi và Tây Nam Á) mạnh mẽ trong giai đoạn này.

Một trong những cảng cổ quan trọng - di tích Mantai - nằm trên bờ biển phía tây bắc của đảo Sri Lanka, có vị trí lý tưởng của một trung tâm thương mại ven biển thời cổ đại, kết nối các khu vực biển Ả Rập, vịnh Bengal, bờ biển phía đông - phía tây của Ấn Độ và là một cửa ngõ quan trọng để đi sâu vào nội địa Sri Lanka. Kết quả khai quật năm 2009 - 2010 tại Mantai được tiến hành với việc áp dụng các phương pháp bao gồm sàng lọc các vi tư liệu, lấy mẫu các di tảo thực vật vĩ mô (macro botanical) và thực vật hóa thạch (mẫu phytolith), và phân tích niên đại cacbon phóng xạ có độ chính xác cao cho thấy, ngoài ngũ cốc, trong tầng văn hóa di tích này còn có các loại gia vị có giá trị cao thời bấy giờ như tiêu đen và đinh hương. Đây là bằng chứng về sự tồn tại của một mạng lưới buôn bán gia vị trong phạm vi rộng lớn, kết nối giữa khu vực Địa Trung Hải, Ấn Độ, Sri Lanka và khu vực phía Đông Indonesia vào khoảng nửa cuối thiên niên kỷ thứ nhất sau Công nguyên (Kingwell-Banham *et al.*, 2018).

Trong số các loại gia vị có giá trị thương mại thời bấy giờ, tiêu, gừng, quế, đinh hương và nhục đậu khấu được nhóm cư dân tầng lớp cao trong xã hội La Mã ưa chuộng và tiêu thụ như một mặt hàng xa xỉ. Cũng bởi được ưa chuộng và có giá trị cao như thế, chúng đã trở thành một trong những hàng hóa quan trọng để các

thương thuyền mạo hiểm trong các chuyến hải hành dài ngày. Trong một số công bố cho biết “Pliny Già” (Pliny the Elder), nhà lịch sử tự nhiên La Mã - có ghi chép rằng đinh hương được buôn bán từ Ấn Độ đến Rome vào khoảng thế kỷ thứ nhất và theo các ghi chép của Ấn Độ vào khoảng thời gian đó, nguồn nhập khẩu đinh hương đến xứ sở này là từ khu vực Indonesia (dẫn lại theo Kingwell-Banham *et al.*, 2018; Swadling, 1996). Nhục đậu khấu là một loại hạt gia vị chỉ sinh trưởng ở khu vực đảo Banda (Moluccas) và được xuất hiện trong các ghi chép cổ của Trung Quốc vào khoảng năm 220 - 589 Công nguyên, tức muộn hơn so với đinh hương. Trong Hán thư và hậu Hán thư cũng có đề cập về việc các loại gia vị khai thác từ Đông Nam Á và được nhập vào Trung Quốc để tiêu thụ như một thương phẩm (Hung, Nguyễn Khánh Trung Kiên, 2023). Các thương nhân thời bấy giờ chắc hẳn đã biết đến khu vực hải đảo phía đông Indonesia chính là xứ sở của nhiều loại gia vị quý, trong đó đáng chú ý là đinh hương và hạt nhục đậu khấu.

Những loại gia vị này là sản vật từ các xứ sở nhiệt đới ở Nam Á và Đông Nam Á, trong đó tiêu và quế (*Cinnamomum verum*) được cho là có nguồn gốc từ Nam Á (Ấn Độ hay Sri Lanka), nhục đậu khấu và đinh hương là sản phẩm vốn chỉ sinh trưởng ở một khu vực nhỏ hẹp (nhóm đảo Banda) thuộc quần đảo Gia vị (Moluccas) ở phía Đông Indonesia.

Các thương phẩm này được tìm thấy ở những nơi có khoảng cách địa lý rất xa với nơi chúng sinh trưởng và điều này thường được dùng như tư liệu để phác họa lại những tuyến đường buôn bán thời cổ đại.

Đinh hương là loại gia vị có nguồn gốc từ quần đảo Moluccas ở phía Đông Indonesia và nằm cách di tích cảng cổ Mantai rất xa, với khoảng cách địa lý hơn 6.000km theo đường biển. Vì thế việc mua bán gia vị qua các tuyến hải hành trực tiếp giữa các thương nhân cổ đại từ Sri Lanka và Indonesia là điều khó có thể diễn ra trong thực tế. Nhiều khả năng đinh hương được buôn bán từ quần đảo Gia vị đến khu vực vịnh Bengal một cách gián tiếp qua nhiều chặng dừng ở các “cảng trung chuyển” khu vực Đông Nam Á (Kingwell-Banham *et al.*, 2018).

Ngoài ra, để nhận diện mối quan hệ văn hóa giữa Nam Á và Đông Nam Á không chỉ dựa trên những hiện vật khảo cổ du nhập mà hiện nay còn được bổ sung từ tư liệu nghiên cứu cổ thực vật học. Phân tích khảo cổ thực vật học gần đây đã chỉ ra một số cây trồng như lúa hạt dài (*Oryza sativa indica*) và đậu xanh (loài đã thuần dưỡng) được mang từ Ấn Độ vào các “tiền cảng” ở miền nam bán đảo Thái - Mã Lai trong thời tiền sử muộn, như phát hiện tại di tích Khao Sam Kaeo (Castillo, 2011). Tuy vậy, các nghiên cứu liên quan đến di tích khảo cổ ở Nam Thái Lan vẫn chưa ghi nhận dấu vết các loại gia vị nguồn gốc từ Ấn Độ ở khoảng niên đại này.

Dù các loại gia vị nguồn gốc từ Moluccas chưa được ghi nhận sự xuất hiện trong các di tích khảo cổ ở khu vực bán đảo Thái - Mã Lai nhưng trong công bố gần đây liên quan đến gia vị tìm thấy trong văn hóa Óc Eo đã chỉ ra có nhiều loài được sử dụng từ khoảng 1.800 năm trước ở vùng đất Nam Bộ Việt Nam. Những phát hiện này là bằng chứng khảo cổ sớm nhất hiện nay về việc sử dụng hai loại gia vị đình hương và nhục đậu khấu ở Đông Nam Á lục địa. Ngoài ra, nó còn phản ánh mối quan hệ thương mại từng diễn ra trong vài thế kỷ đầu Công nguyên giữa Đông Nam Á lục địa mà cụ thể là Óc Eo - Ba Thê với quần đảo Moluccas ở miền Đông Indonesia.

Nghiên cứu của Wang Weiwei và cộng sự (2023) về các thành phần tinh bột (starch) còn bám trên bề mặt dụng cụ nghiền ở khu di tích Óc Eo - Ba Thê (An Giang) cho thấy, từ khoảng thế kỷ II - III, người dân ở đô thị cổ này đã sử dụng nhiều loại gia vị khác nhau trong đời sống. Chúng có thể là một số loài bản địa phổ biến ở cả Nam Á và Đông Nam Á như: nghệ, gừng, riềng, gừng cát, cho đến một số loại được “nhập khẩu” vào Óc Eo - Ba Thê từ những vùng đất xa xôi ở khu vực Nam Á hay các đảo ở phía đông Indonesia, chẳng hạn như quế, nhục đậu khấu và đình hương.

Với sự xuất hiện đa dạng các loại gia vị như thế, nhiều khả năng cư dân cổ Óc Eo đã biết kết hợp các loại gia vị khác nhau để phục vụ nhu cầu ẩm thực từ một vài thế kỷ đầu Công

nguyên (không loại trừ khả năng chúng xuất hiện sớm hơn). Không chỉ tồn tại dưới dạng bột mà một hạt nhục đậu khấu còn nguyên vẹn đã được tìm thấy trong tầng văn hóa tại Óc Eo - Ba Thê, phân tích niên đại cho tuổi năm 120 - 248 *cal. AD* (Beta-629719; xác suất 94,3%). Đây là một bằng chứng cho việc trao đổi hay mua bán gia vị giữa hai khu vực cách nhau hơn 2.000km.

Óc Eo - Ba Thê, vốn là một đô thị cận biển, nơi từng diễn ra các tiếp xúc thương mại giữa thương nhân nhiều khu vực, được ví như một “ngã tư” nơi các nền văn minh phương Đông và phương Tây giao thoa. Sự xuất hiện của các loại hạt gia vị nguồn gốc Moluccas bên cạnh các loài bản địa chỉ mới ghi nhận ở đô thị cổ Óc Eo - Ba Thê và tại cảng cổ Mantai ở Sri Lanka, trong khi những di tích khảo cổ ở khu vực bán đảo Thái - Mã Lai lại chưa tìm thấy. Đồng thời, những ghi chép trong các văn bản cổ cũng cho thấy một trong những sản phẩm thương mại giữa khu vực tiểu lục địa Ấn Độ và La Mã chính là các loại gia vị quý được “nhập khẩu” vào khu vực Ấn Độ từ Indonesia, cách hơn 6.000km.

Xâu chuỗi lại những mảnh ghép tư liệu nói trên, có thể nhận ra một loại sản phẩm thương mại quan trọng của Óc Eo - Ba Thê chính là mặt hàng gia vị được “nhập khẩu” từ Moluccas. Từ đây, các loại gia vị không chỉ được sử dụng trong đời sống thường nhật của người dân mà còn được tiếp tục mua bán với các nhóm thương nhân

khác nhau như một mặt hàng có giá trị cao.

Có thể thấy, trong vài thế kỷ đầu Công nguyên, thực vật được người cổ Nam Bộ sử dụng trong đời sống không chỉ là các loại lúa gạo hay các loại rau quả, cây cho củ, mà còn có các loài gia vị bản địa để họ buôn bán như một loại hàng bên cạnh các loại gia vị “nhập khẩu” từ khu vực hải đảo.

4. THẢO LUẬN

Các phát hiện và nghiên cứu về giống loài thực vật cổ đã cho thấy vai trò quan trọng của chúng trong đời sống các cộng đồng cư dân cổ đại ở Nam Bộ. Từ những loại cây trồng cung ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm cho đến các loại gia vị quý như một thương phẩm trong các tuyến thương mại hàng hải kết nối nhiều châu lục thời bấy giờ. Với sự hỗ trợ của các phương pháp nghiên cứu liên ngành, những nhận thức mới về khảo cổ học ngày càng rõ ràng và có tính xác thực hơn, góp phần từng bước phục dựng diện mạo vùng đất Nam Bộ từ thời tiền sử cho đến những thế kỷ đầu Công nguyên, khắc phục những mảng khuyết trước đây bằng cách cung cấp các bằng chứng về hoạt động nông nghiệp của các cộng đồng cư dân thời bấy giờ. Phát hiện về cổ thực vật học trong đó bao gồm lúa thuần dưỡng vào thời tiền sử và các loại gia vị vào thời sơ sử là một tư liệu rất quý.

Sự xuất hiện của lúa thuần dưỡng là một bằng chứng khảo cổ học có tính thuyết phục, dần hé lộ hoạt động canh

tác nông nghiệp và sinh kế của cư dân cổ vùng đất này. Nghiên cứu mới cho thấy lúa thuần dưỡng đã được người cổ Đông Nam Bộ canh tác từ rất sớm, ngay trong các di tích thời hậu kỳ đá mới - sơ kỳ đồng thau, cách ngày nay gần 4.000 đến 3.500 năm ở vùng này như An Sơn, Lộc Giang và các “làng tròn” tiền sử ở Bình Phước như Bù Nho, Long Hưng 1, Thuận Phú 2 hay ở Cù Lao Rùa thuộc hạ lưu sông Đồng Nai. Đây là những phát hiện mới và quan trọng, góp phần làm thay đổi nhận thức về sinh kế nông nghiệp của các nhóm cư dân cổ ở vùng này.

Sự xuất hiện của lúa cũng lý giải cho sự tồn tại của một loại hình di tích độc đáo là các “làng tròn” thời tiền sử ở Bình Phước với hơn 70 địa điểm được phát hiện. Sự bảo lưu truyền thống cư trú trong các “làng tròn” trong khoảng 15 thế kỷ (từ 4.000 đến 2.500 năm trước) với mật độ di tích “dày đặc” ở Bình Phước phản ánh cuộc sống ổn định của các cộng đồng đương thời. Phát hiện này đã góp phần làm rõ hơn về mô hình định cư trong quá trình diễn ra suốt hơn 500 năm như kết quả khảo cổ học ghi nhận trước đây. Các vết tích hạt lúa bị than hóa không chỉ góp phần nghiên cứu về nông nghiệp mà còn là nguồn chất liệu quan trọng để nghiên cứu niên đại bằng phương pháp phân tích niên đại trực tiếp bởi vòng đời sinh trưởng của lúa ngắn nên kết quả niên đại từ chúng có độ khả tín cao hơn so với việc phân tích các mẫu than từ cây gỗ.

Phát hiện về việc sử dụng gia vị, nhất là các loại gia vị quý, nhập khẩu từ Moluccas như đinh hương và nhục đậu khấu ở Óc Eo là một tín hiệu quan trọng. Tư liệu này không chỉ để nghiên cứu về nguồn gốc các hàng hóa, quan hệ thương mại hay đời sống thường nhật của người xưa mà khả năng còn liên quan đến các nghi thức tôn giáo khi các bàn nghiên (Pesani) cũng được tìm thấy trong các khu vực kiến trúc tôn giáo trong các quốc gia cổ có sự ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ. Đây là hướng nghiên cứu cần triển khai tiếp tục.

5. KẾT LUẬN

Lúa thuần dưỡng xuất hiện ở các cộng đồng tiền sử Nam Bộ khoảng 4.000 năm trước cho thấy họ đã chủ động phần nào trong việc tự sản xuất

ra nguồn lương thực cho cộng đồng. Phát hiện về lúa thuần dưỡng cũng lý giải cho sự phát triển đời sống xã hội và kỹ thuật một cách nhanh chóng của các cộng đồng cư dân cuối thời Đá mới để đạt đến đỉnh cao của kỹ thuật luyện kim đúc đồng thời Kim khí ở Đông Nam Bộ.

Bước sang giai đoạn muộn hơn, sự xuất hiện của gia vị với vai trò một sản phẩm giá trị cao, góp mặt trong hệ thống thương mại hàng hải toàn cầu thời bấy giờ đã khẳng định vai trò của đô thị cổ Óc Eo - Ba Thê như một trạm trung chuyển. Cũng chính từ những quan hệ văn hóa, giao lưu thương mại đó, cư dân cổ nơi đây trải qua tiếp biến văn hóa với nhiều nền văn hóa, văn minh khác nhau để hình thành nên những giá trị văn hóa lớn hơn trong văn hóa Óc Eo Nam Bộ. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Barron, Aleese, Michael Turner, Levi Beeching, Peter Bellwood, Philip Piper, Elle Grono, Rebecca Jones, Marc Oxenham, Nguyen Khanh Trung Kien, Tim Senden and Tim Denham. 2017. *MicroCT Reveals Domesticated rice (Oryza Sativa) Within Pottery Sherds from Early Neolithic Sites (4150-3265 cal BP) in Southeast Asia*. *Sci Rep* 7, 7410. <https://doi.org/10.1038/s41598-017-04338-9>
2. Bellwood, Peter, Marc Oxenham, Bui Chi Hoang, Nguyen Kim Dzung, Anna Willis, Carmen Sarjeant, Philip Piper, Hirofumi Matsumura, Katsunori Tanaka, Nancy Beavan-Athfield, Thomas Higham, Nguyen Quoc Manh, Dang Ngoc Kinh, Nguyen Khanh Trung Kien, Vo Thanh Huong, Van Ngoc Bich, Tran Thi Kim Quy, Nguyen Phuong Thao, Fredeliza Campos, Yo-Ichiro Sato, Nguyen Lan Cuong, Noel Amano. 2011. "An Son and the Neolithic of Southern Vietnam". *Asian Perspectives*, 50 (1&2) Spring/Fall, pp. 144-175.
3. Bùi Chí Hoàng (chủ biên), Nguyễn Khánh Trung Kiên, Đặng Ngọc Kính. 2017. *Khảo cổ học Nam Bộ thời tiền sử* – Tập 1. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
4. Castillo, Cristina Cobo, Dorian Q. Fuller, Philip J. Piper, Peter Bellwood, Marc Oxenham. 2017. "Hunter-Gatherer Specialization in the Late Neolithic of Southern Vietnam - The Case of Rach Nui". *Quaternary International*, <http://dx.doi.org/10.1016/j.quaint.2016.11.034>

5. Castillo, Cristina Cobo. 2011. "Rice in Thailand: The Archaeobotanical Contribution. *Rice* 4, pp. 114 -120. <https://doi.org/10.1007/s12284-011-9070-2>
6. Đặng Ngọc Kính. 2019. *Báo cáo khai quật di tích Đồi Phòng Không (huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai)*. Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học.
7. Đặng Ngọc Kính. 2023. *Báo cáo khai quật khảo cổ học di tích Thọ Sơn (thôn Sơn Lập, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước)*. Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học.
8. Hung, Hsiao-chun and Nguyen Khanh Trung Kien. 2023. "Research Achievements about the Southeast Asian Maritime Trading Networks, 500 BC-AD 500". 2023 International Conference: *Establishing the Foundation for UNESCO World Heritage Registration - Major Achievements and Development Directions of Mahan History and Culture*, pp. 204-227 (in English) and pp. 233-249 (in Korea). Jeollanam-do: Jeollanam-do Cultural Foundation (in English and Korea).
9. Kingwell-Banham, Eleanor & Bohingamuwa, Wijerathne & Perera, Nimal & Adikari, Gamini & Crowther, Alison & Fuller, Dorian & Boivin, Nicole. 2018. *Spice and Rice: Pepper, Cloves and Everyday Cereal Foods at the Ancient Port of Mantai, Sri Lanka*. *Antiquity*. 92. 1552-1570. 10.15184/aqy.2018.168.
10. Nguyễn Khánh Trung Kiên, Đặng Ngọc Kính, Nguyễn Bình Công, Nguyễn Nhựt Phương, Lâm Kiêm Lợi, Tăng Sến. 2021b. *Báo cáo khai quật di tích Cù Lao Rùa (Bình Dương)*. Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học.
11. Nguyễn Khánh Trung Kiên. 2017a. *Các loại hình xưởng chế tác đá thời tiền sử ở Đông Nam Bộ*. Luận án. Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội.
12. Nguyễn Khánh Trung Kiên. 2017b. *Báo cáo khai quật thăm dò di tích Đồi Phòng Không (huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai)*. Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học.
13. Nguyễn Khánh Trung Kiên. 2021. "Lúa trong các di tích đất đắp dạng tròn ở Bình Phước và viễn cảnh nghiên cứu". *Tạp chí Khoa học Xã hội TPHCM*, số 10 (278)/2021, tr. 67-82.
14. Nguyễn Khánh Trung Kiên, Đặng Ngọc Kính, Nguyễn Bình Công, Nguyễn Nhựt Phương, Lâm Kiêm Lợi, Tăng Sến 2021. *Báo cáo khai quật di tích Cù Lao Rùa (Bình Dương)*. Tư liệu Trung tâm Khảo cổ học.
15. Oxenham, Marc F., Philip J. Piper, Peter Bellwood, Chi Hoang Bui, Khanh Trung Kien Nguyen, Quoc Manh Nguyen, Fredeliza Campos, Cristina Castillo, Rachel Wood, Carmen Sarjeant, Noel Amano, Anna Willis, Jasminda Ceron. 2015. "Emergence and Diversification of the Neolithic in Southern Vietnam: Insights From Coastal Rach Nui". *The Journal of Island & Coastal Archaeology*, 00:1-30. DOI: 10.1080/15564894.2014.980473.
16. Phạm Đức Mạnh. 1995. "Về khuynh hướng hoạt động kinh tế nông nghiệp trồng lúa - rau củ nguyên thủy ở miền Đông Nam Bộ". *Tạp chí Khoa học Xã hội TPHCM*, số 26 (IV/1995), tr. 107-116.
17. Piper, Philip J., Khanh Trung Kien Nguyen, Thi Kim Quy Tran, Rachel Wood, Cristina Cobo Castillo, Alison Weisskopf, Fredeliza Campos, Ngọc Kinh Dang, Carmen Sarjeant, Armand S.B. Mijares, Marc Oxenham, Peter Bellwood. 2017. "The Neolithic settlement of Loc Giang on the Vam Co Dong River, southern Vietnam and its Broader Regional Context". *Archaeological Research in Asia*, Volume 10, pp. 32-47, ISSN 2352-2267, <https://doi.org/10.1016/j.ara.2017.03.003>.

18. Swadling, P. 1996. *Plumes for Paradise: Trade Cycles in Outer Southeast Asia and Their Impact on New Guinea and Nearby Islands Until 1920*. Port Moresby: Robert Brown and Associates and the National Museum and Art Gallery.
19. Wang Weiwei, Khanh Trung Kien Nguyen, Chungguan Zhao, and Hsiao-chun. Hung. 2023. "Earliest Curry in Southeast Asia and the Global Spice Trade 2000 Years Ago". *Science Advances* 9(5517). DOI:10.1126/sciadv.adh5517.
20. Żuchowska, M. & R. Żukowski. 2012. "More Precious Than Gold Spices from the Edges of the World in the Mediterranean Cuisine". In *The Late Antiquity and Early Byzantine Times, Bibliotheca Vita Antiqua*, Kiyv 2012, pp. 203-207.